TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:13/2020/ DSST
Ngày 30/06/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Trần Minh Hoàng

2/ - Ông Nguyễn Ngọc Chúc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 30 tháng 06 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/ TLST- DS ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/ QĐXXST- DS ngày 27 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Trịnh Thị S**, sinh năm: 1956 (có mặt)

Địa chỉ: ấp K 3A, xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: **Ông Nguyễn Duy C**, sinh năm 1972 (vắng mặt không lý do)

Bà Vũ Thị Hồng G, sinh năm 1987 (vắng mặt không lý do)

Cùng địa chỉ: số 399, ấp K 3A, xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Trịnh Thị S trình bày: Nguyên vào ngày 27/01/2017 vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G có đến nhà tôi vay số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận nợ ngày 27/01/2017, Ngày

14/10/2017 vợ chồng ông C, bà G tiếp tục vay của tôi số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận nợ ngày 14/10/2017, mục đích vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G vay tiền của tôi là để làm ăn, thời hạn vay là 30 ngày sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho tôi.

Ngày 09/11/2017 vợ chồng ông C, bà G vay tiếp của tôi 02 chỉ vàng 24K 9999, lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận ngày 09/11/2017. Ngày 08/2/2018 vợ chồng ông C, bà G tiếp tục vay tôi 0,5 chỉ vàng 24K 9999. Lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận ngày 08/02/2018.

Đến ngày 03/05/2018 vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G có đến nhà tôi vay số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận nợ ngày 03/05/2018, Ngày 16/11/2018 vợ chồng ông C, bà G có đến nhà tôi vay tiếp số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận nợ ngày 16/11/2018. Vợ chồng ông C, bà G có hẹn với tôi đến ngày 16/12/2018 thì sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho tôi.

Đến nay thì vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G vẫn không có đóng lãi và trả nợ gốc cho tôi mặc dù tôi có đến nhà vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G chỉ hứa mà không thực hiện việc trả nợ.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G trả cho tôi số tiền là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) và 2,5 chỉ vàng 24K 9999 và tôi không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G trình bày: Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt và tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa nguyên đơn bà Trịnh Thị S với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trịnh Thị S yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G trả nợ cho bà S số tiền là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) và 2,5 chỉ vàng 24K 9999 và không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì bà S có cho vợ chồng ông C, bà G vay tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lúc vay giữa hai

bên có làm biên nhận nợ ngày 27/01/2017, đến ngày 14/10/2017 vợ chồng ông C, bà G tiếp tục vay của bà S số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận nợ ngày 14/10/2017, mục đích vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G vay tiền của bà S là để làm ăn.

Ngày 09/11/2017 vợ chồng ông C, bà G vay tiếp của bà S 02 chỉ vàng 24K 9999, lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận ngày 09/11/2017, sau đó đến ngày 08/02/2018 vợ chồng ông C, bà G tiếp tục vay của bà S 0,5 chỉ vàng 24K 9999. Lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận ngày 08/02/2018.

Đến ngày 03/05/2018 vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G có đến nhà bà S vay số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận nợ ngày 03/05/2018, tiếp tục ngày 16/11/2018 vợ chồng ông C, bà G có đến nhà bà S vay tiếp số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận nợ ngày 16/11/2018. Vợ chồng ông C, bà G có hẹn với bà S đến ngày 16/12/2018 thì sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho bà S. Đến nay thì vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G vẫn không có đóng lãi và trả nợ gốc cho bà S mặc dù bà S có đến nhà vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G chỉ hứa mà không thực hiện việc trả nợ.

Nay bà Trịnh Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G trả nợ cho bà S số tiền là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) và 2,5 chỉ vàng 24K 9999 và không yêu cầu tính lãi. Lời yêu cầu của bà S phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Chính vì vậy lời yêu cầu của bà S được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bà Trịnh Thị S được chấp nhận nên bà S không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà S số tiền là 3.012.000đ (ba triệu không trăm mười hai

nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003741 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G phải nộp: {110.000.000đ + (2,5 chỉ vàng 24k 9999 x 4.600.000đ)} x 5% = 6.075.000đ (sáu triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng Điều 463 Bộ Luật Dân Sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị S.

3/ Buộc vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G trả cho bà Trịnh Thị S số tiền gốc là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) và 2,5 chỉ vàng 24K 9999.

Kể từ ngày bà Trịnh Thị S có đơn yêu cầu Thi hành án nếu vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4/ Về án phí DSST:

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G nộp 6.075.000đ (sáu triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Trịnh Thị S số tiền là 3.012.000đ (ba triệu không trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003741 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà Trịnh Thị S biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Vũ Thị Hồng G biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *TAND tỉnh Kiên Giang .*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật